Người ký: Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai
Cơ quan: Tỉnh Gia Lai
Thời gian ký: 31.03.2017 16:10:19 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1245/KH-UBND	*Gia Lai, ngày 31 tháng 3 năm 2017*

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển chăn nuôi tỉnh Gia Lai đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nhằm cụ thể hóa các nội dung Quy hoạch phát triển chăn nuôi tỉnh Gia Lai đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 để phát triển chăn nuôi ổn định, bền vững. Phát triển các lĩnh vực sản xuất của ngành chăn nuôi theo hướng hiện đại, công nghệ tiên tiến, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái và nâng cao thu nhập của người chăn nuôi.

- Tập trung mọi nguồn lực để triển khai thực hiện quy hoạch mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn phát triển của tỉnh.

- Xây dựng các chương trình, kế hoạch, dự án và tổ chức thực hiện có hiệu quả, xác định các dự án ưu tiên, làm cơ sở cho việc hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, góp phần trong việc hoàn thành chỉ tiêu tăng trưởng đàn vật nuôi theo Quy hoạch được duyệt.

- Phân công rõ trách nhiệm của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan trong việc tổ chức thực hiện gắn với việc giám sát, kiểm tra nhằm tăng cường trách nhiệm của các ngành, các cấp và các địa phương trong thực hiện Quy hoạch.

2. Yêu cầu

Các ngành, các cấp, các đơn vị căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao nêu cao tinh thần trách nhiệm, tập trung chỉ đạo điều hành, phối hợp chặt chẽ huy động được các nguồn lực để triển khai thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của Quy hoạch đề ra.

II. CÁC MỤC TIÊU CHÍNH CẦN ĐẠT THEO QUY HOẠCH

1. Kế hoạch phát triển đàn bò

- Mục tiêu phát triển: Duy trì tốc độ phát triển đàn bò toàn tỉnh bình quân giai đoạn 2017-2020 là 10,3%/năm, giai đoạn 2021-2025 là 3,2%/năm, giai đoạn 2026-2030 là 2,9%/năm; Trong đó đàn bò lai đến năm 2020 chiếm 72,5%, năm 2025 chiếm 81,8% và đến năm 2030 chiếm 88,0% tổng đàn; Đàn bò sữa (của Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai) đến năm 2020 có 65.000 con, năm 2025 có 100.000 con và đến năm 2030 ổn định ở mức 120.000 con.

- Giống bò: Phát triển các giống Brahman, Sahiwal, Charolaise, Limousine, Crimousine, Drought Master… Đầu tư xây dựng trại bò giống tại xã Chư Đrăng huyện Krông Pa, củng cố đàn giống hạt nhân tại trại bò giống Ia Khươl và trại Đak Pơ, đến năm 2025 có 29.000 con bò giống bố mẹ tại các trại trên.

- Hình thức phát triển: Phát triển mạnh đàn bò trên toàn tỉnh với nhiều hình thức và quy mô khác nhau như chăn nuôi tập trung thâm canh, chăn nuôi kết hợp với trồng trọt, chăn nuôi quảng canh, chăn nuôi hộ gia đình... Khuyến khích và thu hút mọi thành phần, tổ chức trong và ngoài tỉnh đầu tư phát triển chăn nuôi trang trại theo hướng công nghiệp ở tất cả các địa phương nhằm tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân.

+ Giai đoạn 2017-2020: Phát triển theo hình thức chăn nuôi bán thâm canh kết hợp với dành quỹ đất hợp lý để trồng cỏ nuôi bò.

+ Giai đoạn 2021-2030: Phát triển mạnh hình thức chăn nuôi thâm canh kết hợp trồng cỏ thâm canh có tưới để nuôi bò.

- Kế hoạch phát triển đàn bò:

TT	Hạng mục	Năm 2020	Trong đó		Năm 2025	Trong đó		Năm 2030	Trong đó	
			Bò lai	Bò sữa		Bò lai	Bò sữa		Bò lai	Bò sữa
	Tổng đàn (con)	**705.000**	**464.000**	**65.000**	**827.000**	**595.000**	**100.000**	**956.000**	**736.000**	**120.000**
1	TP.Pleiku	15.500	9.800		16.000	13.500		17.000	16.000	
2	TX.An Khê	18.000	14.500		21.000	20.500		24.500	24.500	
3	TX.Ayun Pa	12.300	5.800		15.000	9.300		17.800	13.000	
4	H.Kbang	26.500	20.600		31.500	27.000		38.000	35.500	
5	H.Đak Đoa	25.500	15.600		31.000	25.700		37.500	34.500	
6	H.Chư Păh	24.000	13.200		26.500	19.000		29.500	24.500	
7	H.Ia Grai	15.700	10.700		17.400	13.300		20.300	17.500	
8	H. Mang Yang	26.000	18.000		33.000	27.700		40.000	38.000	
9	H.Kông Chro	35.800	24.000		40.600	33.500		45.000	41.000	
10	H.Đức Cơ	10.500	5.400		12.600	8.200		15.200	11.200	
11	H.Chư Prông	27.500	13.500		32.800	21.000		38.500	28.400	
12	H.Chư sê	24.200	12.400		28.400	18.000		33.700	25.500	
13	H.Đak Pơ	24.300	24.300		31.700	31.700		39.000	39.000	
14	H.Ia Pa	32.200	15.000		39.500	23.500		46.500	32.500	
15	H.Krông Pa	70.000	36.000		74.000	49.500		81.500	61.000	
16	H.Phú Thiện	30.000	14.800		34.500	21.600		39.000	29.200	
17	H.Chư Pưh	22.000	10.400		26.500	17.000		33.000	24.700	
Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai		265.000	200.000	65.000	315.000	215.000	100.000	360.000	240.000	120.000

- Thức ăn: Để đảm bảo nguồn thức ăn thô xanh cho nhu cầu phát triển đàn bò của tỉnh, các huyện có tiềm năng phát triển chăn nuôi cần dành một quỹ đất thích hợp để bố trí đồng cỏ tập trung và phân tán. Đồng thời khuyến khích các chủ trang trại, nông hộ chuyển đổi diện tích một số cây trồng kém hiệu quả sang trồng cỏ để phát triển chăn nuôi, một con bò cần dành khoảng 300-500m^2 đất nông nghiệp trồng cỏ thâm canh có tưới nước.

Kế hoạch đến năm 2030 có 13.180 ha đồng cỏ tập trung và phân tán trên địa bàn toàn tỉnh, cụ thể:

TT	Địa phương	Diện tích trồng cỏ đến năm 2025 (ha)				Diện tích trồng cỏ đến năm 2030 (ha)			
		Tổng số	Trong đó		Sản lượng (tấn)	Tổng số	Trong đó		Sản lượng (tấn)
			Nông hộ	Tập trung			Nông hộ	Tập trung	
Tổng cộng		**10.117**	**4.647**	**5.470**	**2.529.250**	**13.180**	**6.542**	**6.638**	**3.690.400**
1	Pleiku	167	167		41.750	167	167		46.760

2	An Khê	266	197	69	66.500	352	283	69	98.560
3	Ayun Pa	210	210		52.500	250	250		70.000
4	Kbang	3.000	372	2.628	750.000	4.000	372	3.628	1.120.000
5	Chư Păh	81	81		20.163	123	123		34.356
6	Ia Grai	246	33	213	61.450	267	21	246	74.704
7	Mang Yang	2.185	164	2.021	546.250	2.266	245	2.021	634.480
8	Kông Chro	464	464		116.000	635	635		177.800
9	Đức Cơ	10	10		2.500	15	15		4.200
10	Chư Prông	646	398	248	161.500	1.206	936	270	337.680
11	Chư Sê	205	205		51.225	419	419		117.432
12	Đak Pơ	831	705	126	207.750	971	767	205	271.880
13	Ia Pa	200	200		50.000	485	485		135.800
14	Krông Pa	732	732		183.000	826	826		231.280
15	Phú Thiện	72	72		17.925	114	114		31.948
16	Chư Pưh	803	637	166	200.738	1.084	884	200	303.520

- Quỹ đất: Các địa phương cần tiến hành kiểm tra, rà soát lại quỹ đất của từng xã, phường, thị trấn để xác định cụ thể những điểm có khả năng phát triển chăn nuôi bò tập trung công nghiệp theo Quy hoạch. Đất quy hoạch chăn nuôi tập trung công nghiệp phải cách xa khu dân cư từ 300 - 500m; xa nguồn nước cấp cho sinh hoạt 1.000m; xa quốc lộ, tỉnh lộ 500 - 1.000m; huyện lộ 300m; các khu du lịch, khu công nghiệp từ 300 - 500m. Diện tích nuôi bò theo hình thức nuôi nhốt cần bố trí từ 3-5m^2/con, diện tích nuôi chăn thả đủ cỏ để cho 1 con bò cần khoảng 300m^2.

- Kinh phí phát triển đàn bò:

+ Phát triển bò lai: Vốn ngân sách hỗ trợ 11 tỷ đồng mua tinh đông lạnh để phối giống nhân tạo với quy mô 1.800 con; trong đó giai đoạn 2017-2020 là 4,4 tỷ đồng, giai đoạn 2021-2025 là 3,3 tỷ đồng, giai đoạn 2026-2030 là 3,3 tỷ đồng; Đồng thời thu hút đầu tư từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, khuyến khích người chăn nuôi đầu tư phát triển đàn bò lai...

+ Phát triển bò thịt chất lượng cao: Vốn ngân sách hỗ trợ 15 tỷ đồng mua tinh đông lạnh để phối giống nhân tạo với quy mô 2.000 con; trong đó giai đoạn 2017-2020 là 6 tỷ đồng, giai đoạn 2021-2025 là 4,5 tỷ đồng, giai đoạn 2026-2030 là 4,5 tỷ đồng; Đồng thời thu hút đầu tư từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, khuyến khích người chăn nuôi đầu tư phát triển đàn bò thịt chất lượng cao...

+ Đầu tư xây dựng trại bò giống Chư Đrăng tại xã Chư Đrăng huyện Krông Pa: Tổng vốn ngân sách đầu tư là 15 tỷ đồng; trong đó: giai đoạn 2017-2020 là 6 tỷ đồng, giai đoạn 2021-2025 là 5 tỷ đồng, giai đoạn 2026-2030 là 4 tỷ đồng.

- Hình thức hỗ trợ: Giao Trung Tâm giống vật nuôi tỉnh Gia Lai là đơn vị cung ứng nguồn tinh bò để phối giống lai cải tạo đàn bò trên địa bàn toàn tỉnh. Trung tâm giống vật nuôi xây dựng kế hoạch về kinh phí, số lượng liều tinh hỗ trợ hàng năm để triển khai thực hiện.

2. Kế hoạch phát triển đàn lợn

- Mục tiêu phát triển: Duy trì tốc độ phát triển đàn lợn toàn tỉnh bình quân giai đoạn 2017-2020 là 5,58%/năm, giai đoạn 2021-2025 tăng bình quân 3,4%/năm, giai đoạn 2026-2030 tăng bình quân 3,0%/năm; phát triển chăn nuôi lợn hướng nạc theo hướng trang trại công nghiệp; phát triển mạnh tại các địa phương như TP.Pleiku, Đak Đoa, Chư Păh, Chư Sê, Ia Pa.

- Giống lợn: Tập trung phát triển các giống Pietrain, Duroc, Pi Đu, Yorkshire, Landrace... Đầu tư xây dựng hoàn thành trại lợn giống ông bà tại trại giống Biển Hồ và Ia Khươl có từ 250-300 nái cơ bản; Đầu tư xây dựng thêm trại lợn giống ông bà tại xã Chư Đrăng có từ 200-250 nái cơ bản.

- Hình thức: Phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại công nghiệp ở những huyện có truyền thống chăn nuôi như TP.Pleiku, Đak Đoa, Chư Păh, Chư Sê, Chư Prông...

- Kế hoạch phát triển đàn lợn: Mục tiêu phát triển đến năm 2030 có trên 90% lợn thịt hướng nạc và 10% lợn lai kinh tế kiêm dụng, bố trí:

TT	Hạng mục	Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030
	Tổng đàn (con)	**584.000**	**690.000**	**800.000**
1	TP.Pleiku	81.000	86.000	91.000
2	TX.An Khê	23.700	28.700	33.800
3	TX.Ayun Pa	14.200	17.200	20.300
4	H.Kbang	32.500	38.600	44.600
5	H.Đak Đoa	57.800	67.000	75.800
6	H.Chư Păh	43.200	53.200	63.500
7	H.Ia Grai	36.400	42.000	47.500
8	H. Mang Yang	32.700	40.000	47.000
9	H.Kông Chro	13.200	15.500	18.200
10	H.Đức Cơ	12.200	15.000	17.800
11	H.Chư Prông	41.800	53.000	65.300
12	H.Chư sê	49.700	58.400	67.700
13	H.Đak Pơ	18.400	21.800	25.200
14	H.Ia Pa	42.200	50.700	60.000
15	H.Krông Pa	21.500	26.000	31.000
16	H.Phú Thiện	32.800	40.400	48.600
17	H.Chư Pưh	30.700	36.500	42.700

- Thức ăn: Với đàn lợn đến năm 2030 như dự kiến thì nhu cầu thức ăn tinh cần 362.000 tấn. Để đáp ứng nhu cầu bức thiết về thức ăn cho đàn lợn của tỉnh, kế hoạch sẽ bố trí 02 nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi tại khu công nghiệp của thị xã Ayun Pa và TP.Pleiku với nguồn kinh phí kêu gọi đầu tư từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân là 40 tỷ đồng.

- Kinh phí: Đầu tư xây dựng trại lợn giống Chư Đrăng tại xã Chư Đrăng huyện Krông Pa: Tổng vốn ngân sách đầu tư là 4 tỷ đồng; trong đó: giai đoạn 2017-2020 là 2,5 tỷ đồng, giai đoạn 2021-2025 là 1 tỷ đồng, giai đoạn 2026-2030 là 0,5 tỷ đồng.

3. Kế hoạch phát triển đàn gia cầm

- Mục tiêu phát triển: Duy trì tốc độ phát triển đàn gia cầm (chủ yếu là đàn gà) toàn tỉnh bình quân giai đoạn 2017-2020 là 4,0%/năm, giai đoạn 2021-2025 là 4,12%/năm, giai đoạn 2026-2030 là 4,2%/năm; tập trung phát triển mạnh ở các địa bàn như TP.Pleiku, Phú Thiện, Chư Prông, Ia Pa, KBang, Ia Grai, Krông Pa, Đak Đoa.

- Giống:

+ Phát triển các giống chuyên thịt hoặc chuyên trứng như gà siêu trứng (CP Brow, Baccock), siêu thịt (CP 707, Hubbard),...hoặc các giống gà thả vườn như Lương Phượng, Tam Hoàng, Hungari...

+ Giống bố, mẹ: Khuyến khích mọi thành phần, tổ chức và tư nhân đầu tư xây dựng các trại gà giống bố mẹ, quy mô từ 1.000-3.000 con. Bố trí ở các huyện Chư Păh, Đak Đoa, mỗi huyện từ 5-8 trại, quy mô từ 2.000-3.000 con gà bố mẹ mỗi trại; các huyện Mang Yang, Chư Prông, Chư Sê, Ia Pa, mỗi huyện từ 3-5 trại, quy mô từ 1.000-2.000 con/trại.

- Hình thức: Chăn nuôi theo hướng trang trại công nghiệp và nuôi thả vườn theo hướng an toàn sinh học

- Kế hoạch phát trển đàn gia cầm:

TT	Hạng mục	Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030
	Tổng đàn (con)	**2.860.000**	**3.500.000**	**4.300.000**
1	TP.Pleiku	500.000	540.000	580.000
2	TX.An Khê	110.000	135.000	168.000
3	TX.Ayun Pa	80.000	100.000	127.000
4	H.Kbang	195.000	240.000	300.000
5	H.Đak Đoa	165.000	220.000	290.000
6	H.Chư Păh	155.000	195.000	250.000
7	H.Ia Grai	188.000	240.000	307.000
8	H. Mang Yang	117.000	150.000	193.000
9	H.Kông Chro	100.000	120.000	145.000
10	H.Đức Cơ	50.000	60.000	72.000
11	H.Chư Prông	240.000	300.000	370.000
12	H.Chư sê	100.000	130.000	168.000
13	H.Đak Pơ	60.000	75.000	95.000
14	H.Ia Pa	230.000	285.000	350.000
15	H.Krông Pa	175.000	220.000	280.000
16	H.Phú Thiện	325.000	400.000	490.000
17	H.Chư Pưh	70.000	90.000	115.000

4. Kế hoạch phát triển đàn trâu

- Mục tiêu phát triển: Duy trì tốc độ phát triển đàn trâu toàn tỉnh bình quân giai đoạn 2017 - 2020 là 1,8%/năm, giai đoạn 2021-2025 là 1,2%/năm, giai đoạn 2026-2030 là 1,4%/năm.

- Giống: Tuyển chọn trong đàn những trâu đực có tầm vóc lớn, phẩm chất giống tốt cho phối giống tự nhiên trong đàn, kết hợp nhập có chọn lọc trâu đực giống từ các tỉnh miền Bắc như: Thanh Hóa, Bắc Giang... hoặc nhập khẩu từ Lào.

- Kế hoạch phát triển đàn trâu:

TT	Hạng mục	2020	2025	2030
	Tổng đàn (con)	**15.800**	**16.800**	**18.000**
1	TP.Pleiku	175	175	180
2	TX.An Khê	500	520	540
3	TX.Ayun Pa	50	55	60
4	H.Kbang	5500	5780	6100
5	H.Đak Đoa	45	45	50
6	H.Chư Păh	1.000	1.075	1.180
7	H.Ia Grai	650	700	750
8	H. Mang Yang	2.120	2.230	2.380
9	H.Kông Chro	1.570	1.680	1.800
10	H.Đức Cơ	270	300	330

11	H.Chư Prông	440	480	520
12	H.Chư sê	470	510	560
13	H.Đak Pơ	670	720	780
14	H.Ia Pa	680	730	800
15	H.Krông Pa	220	240	260
16	H.Phú Thiện	1.010	1.100	1.210
17	H.Chư Pưh	430	460	500

5. Kế hoạch phát triển đàn ong

- Mục tiêu: Duy trì tốc độ phát triển đàn ong toàn tỉnh bình quân giai đoạn 2017 - 2020 là 0,7%/năm, giai đoạn 2021-2025 là 0,68%/năm, giai đoạn 2026-2030 là 0,62%/năm đưa đàn ong lên 55.500 đàn, sản lượng mật đạt 1.450 tấn vào năm 2030.

- Giống ong: Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư 1-2 cơ sở sản xuất giống ong có quy mô 2.000-3.000 ong Chúa/năm để cung cấp giống cho người nuôi ong.

6. Kế hoạch phát triển đàn Dê

- Mục tiêu: Duy trì tốc độ phát triển đàn dê toàn tỉnh bình quân giai đoạn 2017 - 2020 là 3,71%/năm, giai đoạn 2021-2025 là 4,0%/năm, giai đoạn 2026-2030 là 4,28%/năm.

- Giống Dê: Định hướng nhân dân mua dê đực giống cao sản (dê Bách Thảo) và hỗ trợ kỹ thuật để lai tạo dê thịt cao sản.

- Kế hoạch phát triển đàn dê:

TT	Hạng mục	Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030
	Tổng đàn (con)	**60.000**	**73.000**	**90.000**
1	TP.Pleiku	1.100	1.200	1.400
2	TX.An Khê	600	800	1.000
3	TX.Ayun Pa	1.200	1.500	1.800
4	H.Kbang	7.000	8.300	10.000
5	H.Đak Đoa	2.000	2.500	3.100
6	H.Chư Păh	1.700	2.000	2.500
7	H.Ia Grai	1.600	2.000	2.600
8	H. Mang Yang	1.200	1.500	1.900
9	H.Kông Chro	6.400	7.800	9.600
10	H.Đức Cơ	900	1.100	1.400
11	H.Chư Prông	1.900	2.500	3.000
12	H.Chư sê	3.800	5.000	6.400
13	H.Đak Pơ	2.800	3.300	4.400
14	H.Ia Pa	8.600	10.000	12.400
15	H.Krông Pa	11.000	12.800	15.300
16	H.Phú Thiện	4.200	5.500	6.800
17	H.Chư Pưh	4.000	5.200	6.400

7. Kế hoạch quy hoạch vùng chăn nuôi trang trại công nghiệp

- Mục tiêu:

+ Nâng cao hiệu quả và tăng giá trị sản xuất chăn nuôi trong ngành nông nghiệp.

+ Tăng quy mô, tỷ trọng chăn nuôi công nghiệp và bán công nghiệp đạt 30-35% vào năm 2020, đạt 45-50% vào năm 2025 và 60-65% vào năm 2030.

+ Số hộ chăn nuôi trang trại có cam kết bảo vệ môi trường, có hệ thống xử lý chất thải đạt 65% năm 2020, năm 2025 trên 80% và 100% vào năm 2030.

+ Tỷ lệ sử dụng thức ăn chăn nuôi công nghiệp đạt 35% năm 2020 và 60% vào năm 2025, năm 2030 đạt 75%.

+ Khai thác triệt để các lợi thế, đất đai, lao động và các giống gia súc phù hợp để đẩy nhanh tốc độ phát triển chăn nuôi, nhất là bò thịt và lợn nạc.

- Kế hoạch xây dựng vùng chăn nuôi tập trung: Dự kiến quy hoạch 46 vùng chăn nuôi trang trại công nghiệp trên địa bàn 15 huyện, thị xã, thành phố với tổng diện tích khoảng 4.000 ha, cụ thể:

TT	Địa điểm thực hiện	Số vùng quy hoạch	Đối tượng vật nuôi
1	TP.Pleiku	**2 vùng:** - Làng Nhao, xã Ia Kêng; xã Tân Sơn	Lợn, gia cầm
2	TX. An Khê	**1 vùng:** Xã Thành An	Bò thịt
3	TX.Ayun Pa	**4 vùng:** - Thôn Quyết Thắng, xã Ia Sao; Thôn Tín Lập, xã Ia Rtô; Khu lò gạch, phường Đoàn Kết. - Buôn Chư Băh A, xã Chư Băh	- Lợn, gia cầm - Bò
4	H.Đak Đoa	**3 vùng:** - Xã Hà Đông - Xã Đăk Sơ Mei - Xã Hải Yang	 - Bò, lợn - Bò, lợn, gia cầm - Bò sữa
5	H.Chư Păh	**1 vùng:** - Tiểu khu 193, 194 xã Ia Phí	Bò, lợn, gia cầm
6	H.Ia Grai	**1 vùng:** - Xã Ia Pếch	Bò
7	H.Mang Yang	**5 vùng:** - Xã Đăk Yă, Đăk Tley, Kon Chiêng, Lơ Pang, Kon Thụp	Bò thịt, bò sữa
8	H.Kông Chro	**6 vùng:** - TT.Kông Chro - Xã Chư Glong, Yang Nam, An Trung, Kông Yang, Yang Trung	 - Lợn, gia cầm - Bò, lợn, gia cầm
9	H.Chư Sê	**1 vùng:** - Làng Rin 1 và 2, xã HBông	Bò, lợn, gia cầm
10	H.Chư Prông	**7 vùng:** - TT.Chư Prông, xã Bầu Cạn - Xã Ia Băng, xã Ia Mơr, xã Ia Piơr, xã Ia Púch, xã Ia Lâu	 - Lợn, gia cầm - Bò, lợn, gia cầm
11	H.Đak Pơ	**6 vùng:** - Xã Hà Tam, xã Phú An, xã Cư An, xã Yang Bắc, - Xã An Thành, Ya Hội	 - Bò thịt, bò sữa - Bò, lợn, gia cầm
12	H.Ia Pa	**3 vùng:**	

		- Thôn Klá, xã Pờ Tó; thôn Bình Hòa, xã Chư Răng. - Thôn Đoàn Kết, xã Ia Mrơn	- Bò, lợn, gia cầm - Lợn, gia cầm
13	H.Krông Pa	**3 vùng:** - Xã Ia Rsươm, Ia Mlá, Chư Drăng	Bò, lợn, gia cầm
14	H.Phú Thiện	**1 vùng:** - Xã Chư Athai	Bò, lợn
15	H.Chư Pưh	**2 vùng:** - Xã Ia Le - Xã Chư Don	- Lợn, gia cầm - Bò, lợn

- Bố trí sử dụng đất: Khu vực lựa chọn để quy hoạch chăn nuôi tập trung công nghiệp gồm các khu vực có đất xấu, đất trống và đất công hiện chính quyền địa phương đang quản lý. Trên cơ sở phạm vi, ranh giới, quy mô từng dự án được phê duyệt, chính quyền địa phương thực hiện việc cắm mốc, bàn giao diện tích, ranh giới cho nhà đầu tư thuê đất ổn định lâu dài trên cơ sở nhà đầu tư tự thỏa thuận tiền thuê đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất của người đang sử dụng đất trên địa điểm đã được quy hoạch. Đối với đất công thì chính quyền địa phương cắm mốc bàn giao trực tiếp.

- Kinh phí: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các vùng chăn nuôi trang trại công nghiệp với quy mô 36 cơ sở, kinh phí kêu gọi đầu tư từ các doanh nghiệp là 8,5 tỷ đồng.

8. Kế hoạch quy hoạch khu giết mổ tập trung

Quy hoạch đến năm 2030 có 47 cơ sở giết mổ tập trung tổng diện tích dự kiến khoảng 15ha; trong đó có 2 cơ sở giết mổ công nghiệp và bán công nghiệp (bố trí trong khu công nghiệp của thị xã An Khê và TP.Pleiku), cụ thể:

	Huyện, thị xã, Tp	Số lượng	Giai đoạn 2016-2020	Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
Giết mổ, chế biến tập trung		**45**	**17**	**13**	**15**
1	TP.Pleiku	6	1	3	2
2	TX.An Khê	2	1	1	
3	TX.Ayun Pa	2	1	1	
4	H.Kbang	2	1		1
5	H.Đak Đoa	3	1	1	1
6	H.Chư Păh	3	1	1	1
7	H.Ia Grai	2	1		1
8	H. Mang Yang	3	1	1	1
9	H.Kông Chro	3	1	1	1
10	H.Đức Cơ	2	1		1
11	H.Chư Prông	3	1	1	1
12	H.Chư sê	3	1	1	1
13	H.Đak Pơ	2	1	1	
14	H.Ia Pa	2	1		1
15	H.Krông Pa	3	1	1	1
16	H.Phú Thiện	2	1		1
17	H.Chư Pưh	2	1		1
Giết mổ chế biến công nghiệp		**2**	**1**	**1**	
Tổng số		**47**	**18**	**14**	**15**

- Kinh phí: Huy động vốn ngoài ngân sách theo hình thức kêu gọi đầu tư từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân… trong đó; kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng cho các cơ sở giết mổ tập trung là 4,5 tỷ đồng, xây dựng nhà máy chế biến gia súc, gia cầm công nghiệp là 30 tỷ đồng.

III. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Uỷ ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Công bố, tuyên truyền nội dung Quy hoạch:

- Tổ chức công bố, phổ biến sâu rộng nội dung của Quy hoạch phát triển chăn nuôi tỉnh Gia Lai đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 đến các ngành, các cấp, tổ chức, đoàn thể, các tầng lớp nhân dân.

- Thực hiện việc đăng tải nội dung của Quy hoạch trên các trang thông tin điện tử, các phương tiện thông tin đại chúng để tuyên truyền rộng rãi tới toàn thể cán bộ, nhân dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm, tạo sự đồng thuận xã hội và thống nhất cao trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch.

- Thời hạn phổ biến tuyên truyền nội dung của quy hoạch: Công tác tuyên truyền được thực hiện thường xuyên, liên tục, tuy nhiên tập trung chủ yếu trong năm 2017.

b) Tổ chức lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: Trên cơ sở nội dung của Quy hoạch đã được phê duyệt, tiến hành rà soát lại địa điểm và diện tích đất đã bố trí đến nay không còn phù hợp đề nghị hủy bỏ, bổ sung địa điểm và diện tích mới đảm bảo đạt mục tiêu Quy hoạch về đất đai. Làm cơ sở cho viêc lập Quy hoạch và Kế hoạch sử dụng đất trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định theo quy định. Thời hạn hoàn thành trong tháng 6/2017.

c) Xây dựng các Chương trình, Dự án cho từng giai đoạn và giải pháp triển khai: Xác định đối tượng chủ lực phù hợp với tiềm năng và lợi thế của địa phương, xây dựng các Chương trình, Dự án trọng điểm cho từng năm, từng giai đoạn nhằm tập trung mọi nguồn lực để thực hiện, làm cơ sở để hình thành các vùng sản xuất tập trung, ứng dụng công nghệ cao đảm bảo chỉ tiêu trong Quy hoạch đề ra.

d) Xúc tiến đầu tư:

a) Căn cứ các quy định của Chính phủ, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương về chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng, khoa học – công nghệ, nghiên cứu, cụ thể hóa tại địa phương để đảm bảo các chính sách trên thu hút được các tổ chức, cá nhân mạnh dạn đầu tư vào lĩnh vực sản xuất chăn nuôi gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

b) Tổ chức xây dựng các Dự án ưu tiên, chỉ rõ quỹ đất, các chính sách ưu đãi, thủ tục hành chính … tạo cơ hội và môi trường hấp dẫn để thu hút các nhà đầu tư; có những biện pháp tư vấn, vận động các tổ chức, cá nhân tại địa phương huy động đất đai, nguồn vốn, lao động tham gia phát triển các mô hình sản xuất trang trại, công nghệ cao, an toàn dịch bệnh gắn với việc xây dựng chuỗi sản xuất có đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Tổng hợp ý kiến các địa phương, tham mưu, đề xuất Uỷ ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cho phù hợp với từng giai đoạn.

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh Kế hoạch kiểm tra, giám sát thực hiện Quy hoạch.

c) Phối hợp với các địa phương xác định các đối tượng chủ lực, xây dựng các Dự án trọng điểm làm cơ sở cho việc hình thành các vùng sản xuất tập trung, ứng dụng công nghệ cao.

d) Phối hợp với các sở, ngành, chính quyền các địa phương thẩm định các Chương trình, Dự án của các địa phương, đảm bảo tính khả thi, hiệu quả của từng Chương trình, Dự án.

e) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc bám sát vào các Chương trình, Dự án trọng điểm của cấp huyện, xây dựng Kế hoạch triển khai phù hợp, tham gia cùng với địa phương thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu của Quy hoạch.

f) Kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện Quy hoạch; định kỳ hàng năm tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Phối hợp với sở, ngành, địa phương nghiên cứu, xây dựng và đề xuất UBND tỉnh ban hành chính sách khuyến khích phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư :

a) Phối hợp với Sở Tài chính cân đối và bố trí nguồn ngân sách hàng năm để triển khai các nội dung quy hoạch, ưu tiên đầu tư các hạng mục cơ sở hạ tầng vào các vùng trọng điểm trong quy hoạch.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ngành, địa phương nghiên cứu, tham mưu, đề xuất sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách của tỉnh nhằm thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế ngoài nhà nước vào lĩnh vực chăn nuôi.

c) Hướng dẫn các ngành, địa phương xây dựng các Dự án thu hút đầu tư cho từng giai đoạn cụ thể.

4. Sở Tài chính: Tham mưu, bố trí nguồn ngân sách của tỉnh hàng năm để triển khai các nội dung Quy hoạch, tạo điều kiện cho các địa phương triển khai kịp thời các hạng mục đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi.

5. Sở Công Thương:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT nghiên cứu, đề xuất các chính sách thương mại, phân tích, tìm hiểu các thị trường tiêu thụ, thúc đẩy xuất khẩu…

b) Hỗ trợ quảng bá sản phẩm hàng hóa thế mạnh của tỉnh; hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi từ các cơ sở chăn nuôi với quy mô lớn.

c) Phối hợp với các ngành liên quan xây dựng các văn bản hướng dẫn tiêu chuẩn và kỹ thuật về vệ sinh an toàn thực phẩm đối với quá trình sản xuất của các cơ sở thực phẩm do ngành công thương quản lý; hướng dẫn áp dụng GMP, HACCP tại các doanh nghiệp chế biến thực phẩm.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Thẩm định Kế hoạch sử dụng đất phục vụ cho Quy hoạch chăn nuôi, tham mưu, đề xuất UBND tỉnh các chính sách ưu đãi về đất đai, chính sách hỗ trợ một phần kinh phí xử lý môi trường cho các vùng chăn nuôi tập trung, các trang trại quy mô lớn,.v..v..

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý, giám sát các trang trại chăn nuôi, thẩm định, cấp phép cho các trang trại xây dựng mới.

c) Hướng dẫn xử lý nguồn chất thải gây ô nhiễm môi trường và đảm bảo an toàn môi trường chăn nuôi và môi trường sống.

7. Các doang nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi và chế biến sản phẩm chăn nuôi:

a) Đầu tư chăn nuôi quy mô công nghiệp theo đúng quy hoạch được phê duyệt, cùng chính quyền địa phương đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng dự án.

b) Chấp hành tốt việc phát triển chăn nuôi, giết mổ, chế biến, tiêu thụ gia súc, gia cầm gắn với vệ sinh thú y, an toàn dịch bệnh và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; chấp hành tốt pháp luật về bảo vệ môi trường.

8. Các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan: Căn cứ chức năng nhiệm vụ chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT trong tổ chức thực hiện Quy hoạch; tham mưu, đề xuất cho UBND tỉnh về những vấn đề liên quan thuộc lĩnh vực ngành quản lý, giải quyết các vướng mắc để thực hiện Quy hoạch có hiệu quả.

IV. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trước ngày 15/11 hàng năm, báo cáo kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện Quy hoạch hàng năm, báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh và các bộ, ngành liên quan.

Việc triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển chăn nuôi tỉnh Gia Lai đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 là nhiệm vụ quan trọng, đòi hỏi sự tập trung chỉ đạo và tham gia tích cực của các cấp, các ngành và tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai các nhiệm vụ được giao để đảm bảo thực hiện Quy hoạch đạt các mục tiêu đã đề ra./.

Nơi nhận:.
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và ĐT, Công thương, Tài nguyên và MT, Khoa học và CN, Y tế;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu VT, KT, NL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Kpă Thuyên